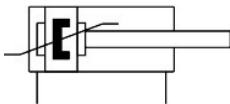


# Xy lanh nhỏ gọn ADN-63-40-I-PPS-A

Số bộ phận: 572705



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                       |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 40 mm                                                         |
| Ø pít tổng                                            | 63 mm                                                         |
| Ren thanh pít tổng                                    | M10                                                           |
| Đệm                                                   | Giảm chấn vị trí cuối bằng khí nén tự điều chỉnh              |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kì                                                        |
| Tuân theo tiêu chuẩn                                  | ISO 21287                                                     |
| Đầu thanh piston                                      | Ren trong                                                     |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                          |
| Các biến thể                                          | thanh pít-tổng một mặt                                        |
| Áp suất vận hành                                      | 0.1 MPA...1 MPA<br>1 bar...10 bar                             |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -20 °C...80 °C                                                |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                  | 4.8 J                                                         |
| Chiều dài đệm                                         | 7 mm                                                          |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 1750 N                                                        |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống | 1870 N                                                        |
| Khối lượng di chuyển                                  | 262 g                                                         |
| trọng lượng sản phẩm                                  | 968 g                                                         |
| Kiểu gắn                                              | với lỗ xuyên<br>với ren trong<br>với phụ kiện<br>tùy ý:       |
| Cổng nối khí nén                                      | G1/8                                                          |
| Ghi chú vật liệu                                      | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vít cố vật liệu                                       | Thép                                                          |
| Vật liệu phủ                                          | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                    |
| Vật liệu của phốt                                     | TPE-U(PUR)                                                    |

| Đặc tính              | Giá trị                        |
|-----------------------|--------------------------------|
| Vật liệu thanh piston | thép hợp kim                   |
| Vật liệu vỏ xy lanh   | Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn |